TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày: 02 - 7 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Anh.

2. Bà Nguyễn Thị Hiền.

- T ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – T ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2018/TLST-DS, ngày 03 tháng 8 năm 2018 và thụ lý bổ sung số 115a/2018/TLST-DS, ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường L, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1976 - Phó giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V chi nhánh thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1934 (đã chết); địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1932.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

5. Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Công ty TNHH TM P ấp 06, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

6. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 04, khu phố P, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

7. Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

8. Ông Trần Hữu T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

Ông P, ông T có mặt; bà L, bà H, ông B, bà M, bà M1, bà K, bà T, ông T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn V (gọi tắt là Ngân hàng), các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng – Ông P trình bày: Vào ngày 09 tháng 11 năm 2015, ông T có ký hợp đồng tín dụng số 03C651/HDTD vay của Ngân hàng số tiền 700.000.000 đồng. Mục đích vay sửa chữa nhà, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 12%/năm. Khi vay số tiền 700.000.000 đồng, ông C, bà H, ông T, bà L với Ngân hàng có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 03C062/HDTC ngày 09 tháng 11 năm 2015. Ngày 07 tháng 6 năm 2016, ông C chết. Vào ngày 08 tháng 11 năm 2016, ông T có ký tiếp hợp đồng tín dụng số

P1A651/HDTD vay của Ngân hàng số tiền 140.000.000 đồng. Mục đích vay mua máy cày, dàn cày, bánh lòng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 10%/năm. Biện pháp bảo đảm nợ vay cho 02 hợp đồng tín dụng là hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 03C062/HDTC ngày 09 tháng 11 năm 2015 được công chứng tại phòng Công chứng số 3, tỉnh Long An và được đăng ký thế chấp tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã K, tỉnh Long An. Tài sản đảm bảo nợ vay là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành M 424954, số vào sổ 00946 QSDĐ/1202-LA được Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 26 tháng 6 năm 1998 đối với các thửa đất số 123, 258, 259, 196, 198, 246, 247, 288, có tổng diện tích 35.219 m^2, loại đất ở nông thôn, đất lúa, thuộc tờ bản đồ số 8 và 10, đất hiện nay tọa lạc tại xã B, thị xã K, tỉnh Long An. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, vào ngày 08 tháng 11 năm 2016, ông T đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc 140.000.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T và bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 02 tháng 7 năm 2019 với số nợ gốc, lãi tổng cộng là 948.643.890 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng; lãi trong hạn 217.474.445 đồng; lãi quá hạn 31.169.445 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 03C651/HDTD ngày 09 tháng 11 năm 2015, hợp đồng tín dụng số P1A651/HDTD ngày 08 tháng 11 năm 2016 cho đến ngày thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng. Trong trường hợp ông T và bà L không thanh toán đúng, đủ nợ gốc, lãi theo yêu cầu của Ngân hàng thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 03C062/HDTC ngày 09 tháng 11 năm 2015 để đảm bảo thi hành án khi có hiệu lực. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ thì Ngân hàng yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến đề nghị của bị đơn – Ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị H là cha mẹ ruột của ông. Ông C và bà H có 05 người con gồm ông B, bà M, ông T, bà M1, bà K. Ngoài ra, ông C và bà H không có con riêng, con nuôi nào khác. Vào ngày 09 tháng 11 năm 2015, ông có ký hợp đồng tín dụng số 03C651/HDTD vay của Ngân hàng số tiền 700.000.000 đồng. Mục đích vay sửa chữa nhà, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay 12%/năm. Khi vay số tiền 700.000.000 đồng, ông C và bà H với Ngân hàng có ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 03C062/HDTC ngày 09 tháng 11 năm 2015. Ngày 07 tháng 6 năm 2016, ông C chết. Ngày 08 tháng 11 năm 2016, ông đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc 140.000.000 đồng. Vào ngày 08 tháng 11 năm 2016, ông có ký tiếp hợp đồng tín dụng số P1A651/HDTD vay của Ngân hàng số tiền 140.000.000 đồng. Mục đích vay mua máy cày, dàn cày, bánh lòng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 10%/năm. Chữ ký, chữ viết trong hợp đồng tín dụng số 03C651/HDTD ngày 09 tháng 11 năm 2015, hợp đồng tín dụng số P1A651/HDTD ngày 08 tháng 11 năm 2016, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 03C062/HDTC ngày 09 tháng 11 năm 2015 là của ông C, bà H, ông T,

bà L. Trên các thửa đất số 123, 258, 259, 198, 246, 247, 288 mà ông C và bà H thế chấp cho Ngân hàng thì hiện nay có bà H, ông, bà L và con gái ông là cháu T sinh sống, trong đó ông có cho vợ chồng ông T bà M thuê đất lúa để canh tác hàng năm. Do ông T làm ăn bị thua lỗ nên mới vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ông và bà L đồng ý thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc 700.000.000 đồng và xin Ngân hàng giảm cho ông T và bà L đối với phần tiền lãi suất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tống đạt hợp lệ, niêm yết công khai đối với bà L, bà H, ông B, bà M, bà M1, bà K, bà T, ông T nhưng bà L, bà H, ông B, bà M, bà M1, bà K, bà T, ông T không đến tham dự các phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Đồng thời, bà L, bà H, ông B, bà M, bà M1, bà K, bà T, ông T cũng không gửi văn bản nêu ý kiến gì về việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà L phải thực hiện nghĩa vụ L đới trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa - Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định như việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa đúng theo các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, việc gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng pháp luật, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện quyền tranh luận và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, tranh luận của các đương sự tại phiên tòa thì đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ và hợp pháp, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là buộc ông T và bà L phải thực hiện nghĩa vụ L đới trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 02 tháng 7 năm 2019 với số nợ gốc, lãi tổng cộng là 948.643.890 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng; lãi trong hạn 217.474.445 đồng; lãi quá hạn 31.169.445 đồng; đề nghị chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 03C062/HDTC ngày 09 tháng 11 năm 2015 để đảm bảo thi hành án đối với khoản nợ gốc 560.000.000 đồng và lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 03C651/HDTD ngày 09 tháng 11 năm 2015; đề nghị không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 03C062/HDTC ngày 09 tháng 11 năm 2015 để đảm bảo thi hành án đối với khoản nợ gốc 140.000.000 đồng và lãi suất trong hợp đồng tín dụng số P1A651/HDTD ngày 08 tháng 11 năm 2016; đề nghị buộc ông T và bà L phải

thực hiện nghĩa vụ liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng tín dụng, bị đơn là ông T có địa chỉ tại ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bà L, bà H, ông B, bà M, bà M1, bà K, bà T, ông T tại phiên tòa: Bà L, bà H, ông B, bà M, bà M1, bà K, bà T, ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bà L, bà H, ông B, bà M, bà M1, bà K, bà T, ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, bà H, ông B, bà M, bà M1, bà K, bà T, ông T là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông T và bà L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 02 tháng 7 năm 2019 với số nợ gốc, lãi tổng cộng là 948.643.890 đồng, trong đó nợ gốc là 700.000.000 đồng; lãi trong hạn 217.474.445 đồng; lãi quá hạn 31.169.445 đồng, có chứng cứ chứng minh thể hiện bằng hợp đồng tín dụng số 03C651/HDTD ngày 09 tháng 11 năm 2015, hợp đồng tín dụng số P1A651/HDTD ngày 08 tháng 11 năm 2016 là có căn cứ, phù hợp với các Điều 288, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông T và bà L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số nợ gốc, lãi tổng cộng 948.643.890 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 03C651/HDTD ngày 09 tháng 11 năm 2015, hợp đồng tín dụng số P1A651/HDTD ngày 08 tháng 11 năm 2016 cho đến ngày thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 03C062/HDTC ngày 09 tháng 11 năm 2015 để đảm bảo thi hành án khi có hiệu lực đối với hợp đồng tín dụng số 03C651/HDTD ngày 09 tháng 11 năm 2015 là phù hợp với các Điều 318, 319, 323, 324, 325 của Bộ luật dân sự, phù hợp với Luật Ngân hàng và Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 03C062/HDTC ngày 09 tháng 11 năm 2015 để đảm bảo thi hành án đối với khoản nợ gốc 560.000.000 đồng và lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 03C651/HDTD ngày 09 tháng 11 năm 2015.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 03C062/HDTC ngày 09 tháng 11 năm 2015 để đảm bảo thi hành án khi có hiệu lực đối với hợp đồng tín dụng số P1A651/HDTD ngày 08 tháng 11 năm 2016 là không có căn cứ pháp luật vì ông C chết vào ngày 07 tháng 6 năm 2016, tức là ông C chết trước thời gian hợp đồng tín dụng này được ký kết giữa Ngân hàng với ông T, bà L nên ông C không thể bảo đảm cho khoản vay nợ này được. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 03C062/HDTC ngày 09 tháng 11 năm 2015 để đảm bảo thi hành án đối với khoản nợ gốc 140.000.000 đồng và lãi suất trong hợp đồng tín dụng số P1A651/HDTD ngày 08 tháng 11 năm 2016.

[6] Về đề nghị xin Ngân hàng giảm phần tiền lãi suất của ông T: Không được Ngân hàng đồng ý, pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét giải quyết.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.800.000 đồng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông T và bà L phải liên đới nghĩa vụ chịu 1.800.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã đóng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 1.800.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, buộc ông T và bà L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.800.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T và bà L phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 948.643.890 đồng nộp sung ngân sách nhà nước; Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 318, 319, 323, 325, 324, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V tạm tính đến ngày 02 tháng 7 năm 2019 với số nợ gốc, lãi tổng cộng là 948.643.890

đồng (chín trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm chín mươi đồng), trong đó nợ gốc 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng); lãi trong hạn 217.474.445 đồng (hai trăm mười bảy triệu bốn trăm bảy mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng); lãi quá hạn 31.169.445 đồng (ba mươi mốt triệu một trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng).

Ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích L phải tiếp tục chịu khoản lãi suất kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2019 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V đối với khoản nợ gốc 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 03C651/HDTD ngày 09 tháng 11 năm 2015, số P1A651/HDTD ngày 08 tháng 11 năm 2016.

2. Về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 03C062/HDTC ngày 09 tháng 11 năm 2015: Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích L không thanh toán nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V thì tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất có số phát hành M 424954, số vào sổ 00946 QSDĐ/1202-LA được Ủy ban nhân dân huyện Mộc Hóa cấp ngày 26 tháng 6 năm 1998 đối với các thửa đất số 123, 258, 259, 196, 198, 246, 247, 288, có tổng diện tích 35.219 m^2, loại đất ở nông thôn, đất lúa, thuộc tờ bản đồ số 8 và 10, đất hiện nay tọa lạc tại xã Bình Hiệp, thị xã K, tỉnh Long An trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 03C062/HDTC ngày 09 tháng 11 năm 2015 sẽ bị xử lý để thu hồi nợ đối với khoản nợ vay gốc 560.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi suất trong hợp đồng tín dụng số 03C651/HDTD ngày 09 tháng 11 năm 2015.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích L phải thực hiện nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

4.1 Án phí của vụ án là 40.459.000 đồng (bốn mươi triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng). Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị Bích L phải có nghĩa vụ liên đới chịu 40.459.000 đồng (bốn mươi triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

4.2 Hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn V 18.735.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006860 ngày 02 tháng 8 năm 2018 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007120 ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng

đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Diệu